

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 08 - 2025

V/v: “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc: “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị ML, sinh ngày 02/11/1984; địa chỉ: 293/NQ, ấp Nhơn Quới, xã MN, huyện BT, tỉnh Bến Tre (nay là Số 293/NQ, ấp NQ, xã MCH, tỉnh Vĩnh Long).

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Thế H, sinh ngày 10/11/1983; địa chỉ: Tổ 1B, phường CC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam (nay là tổ 1B, phường PL, tỉnh Ninh Bình).

Tại phiên tòa vắng mặt chị L, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Trần Thị ML và anh Nguyễn Thế H kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MN, huyện BT, tỉnh Bến Tre (nay là xã MCH, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 05 tháng 10 năm 2007. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu một thời gian thì đi đến hôn nhân và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại đã lâu nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế H. Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Thế B, sinh ngày 06/3/2009 (con trai), hiện nay cháu B đang ở cùng chị L. Khi ly hôn chị L xin

nuôi cháu B và đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Anh H đề nghị giao chị L trực tiếp nuôi cháu B và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị L không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của chính quyền địa phương: Nay chị Trần Thị ML có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Thế H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung theo quy định pháp luật.

* Tại phiên toà hôm nay:

Chị Trần Thị ML và anh Nguyễn Thế H vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời gian, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51; 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị ML.

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị ML và anh Nguyễn Thế H.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị ML được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Trần Thế B, sinh ngày 06/3/2009, anh Nguyễn Thế H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị L là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Thế H có nơi cư trú tại tổ 1B, phường CC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam (nay là phường PL, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Trần Thị ML và anh Nguyễn Thế H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị ML và anh Nguyễn Thế H được đăng ký kết hôn tại UBND xã MN, huyện BT, tỉnh Bến Tre (nay là xã MCH, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 05 tháng 10 năm 2007 là hoàn toàn tự nguyện, thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị ML, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị L và anh H đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 01 con chung sau đó mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn và anh H cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, do đó căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh H là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Thế B, sinh ngày 06/3/2009 (con trai). Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu B vẫn ở cùng chị L. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và anh H cũng có quan điểm giao cháu B cho chị L nuôi dưỡng, nên cần giao chị L tiếp tục nuôi cháu B là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị là 2.000.000 đồng/tháng, anh H cũng có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi cháu B theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì mức cấp dưỡng không được thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng. Tháng lương tối thiểu vùng tại phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình là 3.860.000 đồng/tháng. Do vậy, Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị là 2.000.000 đồng/tháng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

Về con nuôi, con riêng: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51; 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị ML và anh Nguyễn Thế H.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị ML trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Trần Thế B, sinh ngày 06/3/2009 (con trai). Anh Nguyễn Thế H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu B là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị ML và anh Nguyễn Thế H, mỗi người phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng: anh Nguyễn Thế H phải nộp 300.000 đồng.

Chị Trần Thị ML được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002164 ngày 31 tháng 03 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình). Chị L được nhận lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị L và anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Mỹ Chánh Hòa, tỉnh Vĩnh Long (KKKH ngày 05/10/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên